

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ
PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU

-----00000-----
Số: 03/2026/QĐ-PTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----
Đã Lãi ngày 11 tháng 9 năm 2026

(V/v: Công bố thông tin về năng lực
đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng)

**BẢN TỰ CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK

ĐẾN Số:.....(Thời điểm công khai ngày 11 tháng 9 năm 2026)

Ngày 11 -09- 2026

Kính gửi:

- Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....
- Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.
 - Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Công ty cổ phần Tư Vấn và Phát Triển Toàn Cầu công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với một số nội dung như sau:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần Tư Vấn và Phát Triển Toàn Cầu
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6001803258
- Điện thoại: 0333164.958- 0948.495757.
- Địa chỉ Email: kttoancau12345@gmail.com.
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình giao thông xây dựng.
- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 44 đường Nguyễn Khuyến, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.
- Website công bố thông tin năng lực của Công ty <https://tuvantoancau.vn>

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG.

Bảng số 01

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm
I	XI MĂNG			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:2023	Sàng 0,045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả, bộ tỷ diện xi măng	
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén.	TCVN 6016:2011	Sàng (ISO 2591 và 3310-1), kích thước mắt sàng (ISO 565), máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dằn (điển hình), máy thử độ bền uốn (10Kn,1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400Kn;200N/s), gá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm,	
3	Xác định hàm lượng mất khi nung, cặn không tan.	TCVN 141:2023	Cân phân tích 300g , Tủ sấy 300 ⁰ C (±1 oC), Lò nung 1000 ⁰ c, Máy đo pH, Chén sứ, Bếp điện, Bếp cách cát, Bình hút ẩm, Pipet, Buret, Giấy lọc, Ống đong, Chày cối sứ, Sàng 0,15mm, Hóa chất	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lược mẫu, khuôn La Chaterlier, thiết bị xác định hàm lượng bọt khí ..	
5	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng.	TCVN 8876:2012		

01803
CÔNG
CỔ P
J VẤN VÀ P
TOÀN
TUON MA TH

II	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định thành phần cỡ hạt; thành phần thạch học; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; khối lượng thể tích xốp và độ hồng; độ ẩm; hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; tạp chất hữu cơ; cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles; hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá; hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-2÷20:2006	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0.1% - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105⁰C đến 110 ⁰C. - Giấy nhám; Tỷ trọng kế; Bộ chia mẫu; Thung đồng; Thước lá; bình dung tích; thung ngâm mẫu, máy thử độ mài mòn và va đập LosAngeles...	
2	Xác định giá trị đương lượng cát ES.	ASTMD 2419:22; TCVN 14134-5:2024	- 3 ống tiêu chuẩn có chia vạch, pitong có đổi trọng, ống xi phong, thước, nút cao su, ống cao su	
3	Xác định góc dốc tự nhiên của cát.	ASTM D1883:99; TCVN 8724:2012	- Bộ dụng cụ đo góc dốc của cát	
III	VỮA XÂY DỰNG			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu.	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011; EN 1051-1:99	Bộ sàng tiêu chuẩn	
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi.	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép (Φ10-12mm, dài 250mm), chảo sắt, xẻng con, bay thợ nề	



3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi.	TCVN 3121-6:2022	Bình trụ bằng sắt ($1000 \pm 2\text{ml}$), chày đầm, cân kỹ thuật (1g), dao, bay, chảo sắt	
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động.	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011	Đồng hồ bấm dây, giấy lọc, chảo sắt, bay, thiết bị tạo chân không	
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi.	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011; ASTM C807:08	Thiết bị xác định thời gian đông kết, khuôn đúc mẫu, kim xuyên tiêu chuẩn,...	
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn.	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thước kẹp, tủ sấy	
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn.	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9028:2011	Khuôn ($40 \times 40 \times 160$)mm, hoặc khuôn ($70,7 \times 70,7 \times 70,7$)mm, máy nén thủy lực ($\pm 2\%$), 2 tấm đệm bằng thép (chày đầm, bộ khuôn gá lắp khi dùng khuôn $70,7 \times 70,7 \times 70,7$ mm), bộ gá uốn	
8	Xác định độ hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn.	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật (1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200°C , khăn lau	
IV	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	
2	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3107:2022	Nhót kế VEBE, bàn rung, thanh thép tròn, đồng hồ bấm giây	
3	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3108:1993	Thùng kim loại 5, 15 lít, thiết bị đầm ($2800 - 3000 \text{ vg/ph}$, biên độ 0.35 0.5mm), cân kỹ thuật (50g), thước lá	



			thép 400mm	
4	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3109:2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật 50kg, sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt	
5	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật 50kg (0.1g), sàng (5, 1, 2, 0.15), tủ sấy, khay sắt, khay sấy, xẻng xúc	
6	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3111:2022	Bình bọt khí, bàn rung (2800 $\pm$ 200vg/ph), que chọc	
7	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông.	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, cân (0.01g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng 2 hoặc	
8	Xác định độ hút nước của bê tông.	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật (5g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau.	
9	Xác định khối lượng thể tích của bê tông.	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy	
10	Xác định cường độ chịu nén của bê tông.	TCVN 3118:2022	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, đệm truyền tải	
11	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông.	TCVN 3119:2022	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, đệm truyền tải, bộ gá thử uốn 2 điểm, thước lá kim loại.	
12	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông.	TCVN 3120:2022	Máy nén 200 tấn, gối truyền tải, đệm gỗ	
13	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 9338:2012	Lực kế, kim xuyên tiêu chuẩn, khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que	



			chọc, nhiệt kế, pipet,	
14	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính.	TCVN 8862:2011	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, bộ gá mẫu ép chẻ, đệm truyền tải kim loại, đệm truyền tải gỗ..	
V	CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật (0.01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), rây 2mm, bếp cách cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, hộp nhôm có nắp	
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4196:2012	Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, cân kỹ thuật (0.01g), hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có Clorua canxi, rây 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất	
3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4197:2012	Bộ quả dọi Vaxiliep, tấm kính nhám, rây 1mm, cối chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t ⁰), bát sắt tráng men, dao để trộn, dụng cụ Casagrande	
4	Xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4198:2014	Cân kỹ thuật(0.01), bộ rây (10 ; 5 ; 2 ; 1.05 ; 0.25 ; 0.1), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình hút ẩm có Clorua canxi, tủ sấy (t ⁰), quả lê bằng cao su, dao con, cân (01 g), máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế (0.001), bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000 cm ³ , Φ 60 ±	

18032
ÔNG T
Ổ PH
N VÀ PH
DÀN C
THUẬT

			2mm), nhiệt kế (0.5°C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút(5cm^3 , 50cm^3), thước thẳng 20cm	
5	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995	Máy cắt mặt phẳng loại A: lực cắt tác động trực tiếp, loại B : lực cắt tác dụng gián tiếp, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy nén (cánh tay đòn), hộp để bão hoà nước, thiết bị giữ ẩm, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân ($0,1 \cdot 10^5\text{N/m}^2 \dots 1 \cdot 10^5\text{N/m}^2$)	
6	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012	Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận 7ung tải, thiết bị đo biến dạng), các dụng cụ khác: mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gọt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy (t°), cân kỹ thuật (0.1g), đồng hồ đo biến dạng(0.01mm)	
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4201:2012	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t°), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thuỷ tinh), dao gọt đất, vò đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su	
8	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4202:2012	Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thuỷ tinh có nắp,	



			- Tủ sấy (t0), - Bình hút ẩm	
9	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm.	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến , - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,	
10	Xác định hệ số thấm K của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8723:2012	Bộ thấm đất cột nước không đổi- Bộ thấm đất cột nước thay đổi- Bảng cấp nước cho bộ thấm- Bình chứa nước	
VI	VẬT LIÊU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			Phạm Ngọc Hoàng Phạm Tuấn Lê Anh Đức
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	
2	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (ê tô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,...)	
3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: Thử uốn	TCVN 5401:2010;	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...	
4	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: Thử kéo (thử kéo ngang, thử kéo dọc)	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...	

5	Thử kéo bu lông, vít cây, đai ốc	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	
6	Thử thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (Nối Coupler) – Thử kéo	TCVN 8163:2009; TCVN 13711-2:2023	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	
V	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai.	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012	Bộ dụng cụ Dao dai, cân đĩa 5 kg (1-2g), cân đĩa 5kg (0.1g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazolin, chảo sấy, cùn búa đóng loại 0.5kg, gỗ đệm	
2	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường.	TCVN 8821:2011	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường, đồng hồ so, cung lực 50KN	
3	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát.	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012	Phễu rót cát cân kỹ thuật, thiết bị sấy, búa chim, đục xềng, bay, túi bao đựng mẫu khô, xô, vải bạt cát chuẩn	
4	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m.	TCVN 8864:2011	Thước 3m gấp, nêm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15 mm	
5	Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dụng, kích (dầm khung ép), lực kế	
6	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman.	TCVN 8867:2025	Cần Benkelman, đồng hồ so	
7	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011	Cát chuẩn, dụng cụ rắc cát	



8	Bê tông - Phương pháp thử không phá hủy – xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy, đá mài, chất bôi trơn	
VI GẠCH XÂY				Lê Anh Đức Hoàng Thị Hiền Anh
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén thủy lực có bảng lực từ 30 đến 60 tấn sai số của máy không lớn hơn $\pm 2\%$, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.	
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo	
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính xác các 0.01g, 500ml dầu hỏa.	
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,	

01803
CÔNG
SỐ PH
ẤN VÀ PH
OÀN C
MA THUỒ

VII GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				Lê Anh Đức Hoàng Thị Hiền Anh
Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ nén; độ hút nước.	TCVN 6476:1999	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu. - Bay chảo để hồ trộn xi măng. - Máy nén có thang lực thích hợp - Bộ má ép bằng thép - Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, - Thùng để ngâm mẫu - Thước cặp thép có độ chính xác 0.01ml , cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g, tủ sấy, cát , máy mài gạch,		
VIII GẠCH TEZARO				Lê Anh Đức Hoàng Thị Hiền Anh
Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ bền uốn; độ hút nước.	TCVN 7744:2013	- Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu		
VIII BÊ TÔNG NHẸ				Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; xác định cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô.	TCVN 9030:2017	- Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và		



			độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu - Thiết bị thử độ co - Đồng hồ đo biến dạng - Tủ sấy , Cân kỹ thuật	
IX	BÊ TÔNG NHỰA			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ khác	
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng , cân chính xác 0,1%, tủ sấy.	
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	

5	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1°C.	
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175°C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ổng đồng bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; TCVN12914:2020	Phương pháp tính toán	
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Phương pháp tính toán	
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán	
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán	
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán	
13	Thiết kế Bê tông nhựa theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Phương pháp tính toán	
X	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
	Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích; độ rỗng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hoà tan trong nước; độ trương nở thể tích; chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984; TCVN 12884:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g. Bình thủy tinh 250 ml có miệng rót. Bếp cát. Bình hút ẩm. Phễu thủy tinh. Giấy lọc. Bình để rửa. Tủ sấy. Bát sứ. Nước cất. Lò nung	



XI	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT			Lê Anh Đức Phạm Tuấn Phạm Ngọc Hoàng Hoàng Thị Hiền Anh
1	Xác định độ kim lún ở 25°C.	TCVN 7495:2005	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50⁰C (0,1⁰C), - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), - Bình chứa cốc mẫu (≥Φ 90, cao ≥55mm), - Chậu đựng nước (15l), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Thiết bị điều hòa nhiệt độ	
2	Xác định độ kéo dài ở 25°C.	TCVN 7496:2005	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50⁰C (0,1⁰C), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gạt nhựa	
3	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi).	TCVN 7497:2005	- Khuôn tròn có đk trong Φ 15.9 ± 3mm cao 6.4 ± 4mm để chứa nhựa đường, - Bi thép (Φ 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, -Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh có dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200⁰C, chia 0,5⁰C), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa	

1803.
ĐNG
Ổ PH
VÀ PH
ĐÀN C
1A THUẬT

			193°C÷ 204°C. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.	
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hồ Cleveland.	TCVN 7498:2005	- Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế (400 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt	
5	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h.	TCVN 7499:2005	- Giá quay tồn thất 5v/p, tủ sấy 300oC, hộp nhôm, tủ sấy 300oC..	
6	Xác định độ hòa tan trong trichloroethylene.	TCVN 7500:2005	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách	
7	Xác định khối lượng riêng ở 25°C.	TCVN 7501:2005	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	
8	Xác định độ dính bám đối với đá.	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	
9	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm sàng); điện tích hạt; độ khử nhũ; thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; thử nghiệm chưng cất; thử nghiệm bay hơi; khả năng trộn lẫn với nước.	TCVN 8817-3÷13:2011; 22TCN 319:2004;TCVN 11195:2017; TCVN 8818-4:2011	Bình lưu mẫu: Làm bằng thủy tinh, dạng hình trụ tròn có đường kính 50 mm ± 5 mm, dung tích 500 mL, có nút đậy làm bằng thủy tinh hoặc cao su. Pi pét: Làm bằng thủy tinh dung tích 100 mL. Cân: Có khả năng cân được 1000 g với độ chính xác ± 0,1 g. Cốc: 2 cốc làm bằng thủy tinh hoặc kim loại, dung tích 1000 mL.	



			Đũa khuấy: 2 đũa làm bằng thủy tinh hoặc kim loại có đầu lượn tròn. Tủ sấy có khả năng duy trì được ở nhiệt độ 163°C	
10	Xác định hàm lượng nước.	TCVN 8818-3:2011	Bình cầu chung cất, ống sinh hàn, ống bẫy nước (có chia vạch đo mililit) và bếp điện hoặc lò nung điều chỉnh nhiệt độ	
11	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG			Trần Thanh Như Ý
1	Xác định vẩn đục quan sát bằng mắt thường.	TCVN 4506:2012	Bảng mắt thường	
2	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường.	TCVN 4506:2012	Bảng mắt thường	
3	Xác định hàm lượng cặn không tan.	TCVN 4560:1988	Phễu và giấy lọc băng xanh; Bình trụ dung tích 1000 ml; Tủ sấy 300°C; Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Cốc thủy tinh	
4	Xác định hàm lượng muối hòa tan.	TCVN 4560:1988	Bình định mức có dung tích 1 lít; Bình hình nón có dung tích 250 ml; Hoá chất bạc nitrat dung tích 0.05N Kali cromat dung tích 5 %	
5	Độ pH.	TCVN 6492:2011	Giấy quỳ đo độ PH vạn năng (pp thông thường) Cốc thủy tinh	
6	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻).	TCVN 6194:1996	Ống hút 50 ml Ống đo màu sắc Ống chuẩn độ vi lượng HCl nồng độ 5% Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh, Pi pet	

			Nước cất	
7	Hàm lượng ion sunfat (SO_4^{2-}).	TCVN 6200:1996	Ống hút 50 ml Ống đo màu sắc Ống chuẩn độ vi lượng HCl nồng độ 5% Mê tin da cam 0.1% BaCl 10% H ₂ SO ₄ 0.1N	
8	Lượng tạp chất hữu cơ.	TCVN 6168:1996	Bát sứ dung tích 500 ml bếp điện ; Tủ sấy 300oc Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Đũa thủy tinh Pi pet, nước cất; Dung dịch natri cacbonat 1%	

Bảng số 02

TT	Tên thiết bị thí nghiệm	Hãng SX	Tình trạng hiệu chuẩn			
			Số quyết định	Ngày tháng	Đơn vị thực hiện	Thời hạn
I	CƠ LÝ , HOÁ XI MĂNG, VỮA				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Bộ tỷ diện xi măng	TQ	12871	06/8/2026		
2	Dụng cụ Vica	TQ	12875			
3	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	TQ	26719	06/8/2026		
4	Thùng hấp mẫu xi măng	TQ	26717	06/8/2026		
II	THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiện thị điện tử bằng màn hình LCD)	TQ	26707	06/8/2026		
2	Máy nén bê tông 2000KN	TQ	26703	06/8/2026		
3	Bộ xuyên bê tông (loại chỉ thị điện tử)	TQ	26709	06/8/2026		



4	Nhót kế VEBÉ	VN	12872	06/8/2026		
III	THÍ NGHIỆM ĐẤT				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)	TQ	26724	06/8/2026		
2	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande.	VN	12870	06/8/2026		
3	Máy đầm CBR/PROTOR tự động	TQ	12873	06/8/2026		
IV	BÊ TÔNG NHỰA				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số (Phím bấm và giao diện tiếng Anh)	TQ	26702	06/8/2026		
2	Máy ly tâm tách nhựa	TQ	26711	06/8/2026		
3	Bể ổn nhiệt marshall điện tử	TQ	26710	06/8/2026		
4	Bơm chân không (01 ch)	VN		06/8/2026		
5	Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm	TQ	26723	06/8/2026		
6	Bộ kim lún nhựa bán tự động	TQ	26714	06/8/2026		
7	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động	TQ	26701	06/8/2026		
8	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa	TQ	26712	06/8/2026		
VIII	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	VN		06/8/2026		
2	Bộ cần Benkenman	VN	26713	06/8/2026		
3	Súng bắn bê tông	TQ	26708	06/8/2026		
X	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				Cty CP DV KĐ hiệu chuẩn đo lường Miền Trung	06/8/2027
1	Tủ sấy 3000C chỉ thị điện tử	TQ	26716	06/8/2026		
2	Lò nung 10000C;	TQ	26718	06/8/2026		
3	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g	TQ	26722	06/8/2026		
4	Cân điện tử ALC 15kg	TQ	26720	06/8/2026		
5	Cân điện tử ALC 30kg	TQ	26721	06/8/2026		

Bảng số 03

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm	Chức vụ, nhiệm vụ được giao
1	Lê Anh Đức	30/10/1979	Kỹ sư XD cầu đường Chứng chỉ QL phòng TN Bằng nghề thí nghiệm	Trưởng phòng TN
2	Phạm Ngọc Hoàng	30/08/1999	Kỹ sư XD cầu đường Chứng chỉ QL phòng TN Chứng chỉ thí nghiệm	Phó phòng
3	Phạm Tuấn	25/06/1988	Kỹ sư XD cầu đường Chứng chỉ thí nghiệm	Thí nghiệm viên
4	Hoàng Thị Hiền Anh	11/02/1981	Bằng nghề thí nghiệm	Thí nghiệm viên
5	Trần Thanh Như Ý	20/05/1995	Chứng chỉ thí nghiệm	Thí nghiệm viên

Bản công bố này thay cho bản công bố số 02/2026/QĐ-PTN ngày 05/9/2026.

Công ty Cổ phần Tư Vấn Và Phát Triển Toàn Cầu cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin gửi đăng tải; cam kết hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ
PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU**



GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Hoàng